

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 425/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế hệ thống chính trị; Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 3189-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Tuyên Quang năm 2025; Quyết định số 3188-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Hà Giang năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 9007-CV/BTCTW ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Ban Tổ chức Trung ương về việc điều chỉnh biên chế;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 321/TTr-SNV ngày 31/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025 (cụ thể tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao trách nhiệm

1. Cơ quan, tổ chức, địa phương được giao biên chế theo Phụ lục kèm theo tại Điều 1 có trách nhiệm giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giao biên chế và quản lý, sử dụng biên chế cán bộ công chức đảm bảo đúng quy định hiện hành.

2. Sở Nội vụ:

a) Theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức đối với cơ quan, tổ chức, địa phương theo đúng quy định hiện hành.

b) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức đối với cơ quan, tổ chức, địa phương theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân xã, phường được giao biên chế cán bộ, công chức tại Phụ lục kèm theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- TP Nội chính, HC-TC; KTTH;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Huy Ngọc

PHỤ LỤC
TẠM GIAO BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ CHÍNH QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Số lượng tạm giao năm 2025
1	2	3
	TỔNG SỐ	8.400
I	CẤP TỈNH	2.309
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	76
-	<i>Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách</i>	20
-	<i>Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh</i>	56
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	122
-	<i>Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh</i>	8
-	<i>Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh</i>	114
3	Sở Nội vụ	137
4	Sở Công Thương	200
5	Sở Tư pháp	50
6	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	80
7	Sở Khoa học và Công nghệ	79
8	Sở Y tế	121
9	Thanh tra tỉnh	205
10	Sở Dân tộc và Tôn giáo	49
11	Sở Tài chính	177
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	93
13	Sở Xây dựng	141
14	Sở Nông nghiệp và Môi trường	726
15	Sở Ngoại vụ	26
16	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tuyền Quang	9
17	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang	18
II	CẤP XÃ	4.753
1	Ủy ban nhân dân xã Lâm Bình	45
2	Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm	38
3	Ủy ban nhân dân xã Bình An	36
4	Ủy ban nhân dân xã Minh Quang	41
5	Ủy ban nhân dân xã Nà Hang	45
6	Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái	37
7	Ủy ban nhân dân xã Yên Hoa	31
8	Ủy ban nhân dân xã Thượng Nông	31
9	Ủy ban nhân dân xã Côn Lôn	31
10	Ủy ban nhân dân xã Chiêm Hóa	51
11	Ủy ban nhân dân xã Kim Bình	36
12	Ủy ban nhân dân xã Tri Phú	31
13	Ủy ban nhân dân xã Kiên Đài	32
14	Ủy ban nhân dân xã Yên Lập	32

TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Số lượng tạm giao năm 2025
15	Ủy ban nhân dân xã Tân An	31
16	Ủy ban nhân dân xã Hòa An	38
17	Ủy ban nhân dân xã Yên Nguyên	32
18	Ủy ban nhân dân xã Trung Hà	28
19	Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ	31
20	Ủy ban nhân dân xã Hàm Yên	50
21	Ủy ban nhân dân xã Bạch Xa	37
22	Ủy ban nhân dân xã Phù Lưu	35
23	Ủy ban nhân dân xã Bình Xa	33
24	Ủy ban nhân dân xã Yên Phú	33
25	Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn	34
26	Ủy ban nhân dân xã Thái Hòa	34
27	Ủy ban nhân dân xã Hùng Đức	28
28	Ủy ban nhân dân xã Yên Sơn	46
29	Ủy ban nhân dân xã Hùng Lợi	33
30	Ủy ban nhân dân xã Kiến Thiết	28
31	Ủy ban nhân dân xã Lực Hành	36
32	Ủy ban nhân dân xã Nhữ Khê	36
33	Ủy ban nhân dân xã Tân Long	36
34	Ủy ban nhân dân xã Thái Bình	36
35	Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn	36
36	Ủy ban nhân dân xã Xuân Vân	36
37	Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương	46
38	Ủy ban nhân dân xã Tân Trào	45
39	Ủy ban nhân dân xã Minh Thanh	41
40	Ủy ban nhân dân xã Bình Ca	39
41	Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh	37
42	Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy	43
43	Ủy ban nhân dân xã Phú Lương	36
44	Ủy ban nhân dân xã Trường Sinh	36
45	Ủy ban nhân dân xã Hồng Sơn	44
46	Ủy ban nhân dân xã Đông Thọ	43
47	Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân	81
48	Ủy ban nhân dân phường An Tường	67
49	Ủy ban nhân dân phường Bình Thuận	42
50	Ủy ban nhân dân phường Nông Tiến	43
51	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Lâm	51
52	Ủy ban nhân dân xã Đồng Văn	52
53	Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú	47
54	Ủy ban nhân dân xã Sả Phìn	51
55	Ủy ban nhân dân xã Phố Bàng	53
56	Ủy ban nhân dân xã Lũng Phìn	50
57	Ủy ban nhân dân xã Mèo Vạc	46
58	Ủy ban nhân dân xã Sủng Máng	46

TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Số lượng tạm giao năm 2025
59	Ủy ban nhân dân xã Sơn Vĩ	46
60	Ủy ban nhân dân xã Khâu Vai	45
61	Ủy ban nhân dân xã Niêm Sơn	36
62	Ủy ban nhân dân xã Tát Ngà	36
63	Ủy ban nhân dân xã Yên Minh	51
64	Ủy ban nhân dân xã Thắng Mố	39
65	Ủy ban nhân dân xã Bạch Đích	45
66	Ủy ban nhân dân xã Mậu Duệ	45
67	Ủy ban nhân dân xã Ngọc Long	31
68	Ủy ban nhân dân xã Du Già	36
69	Ủy ban nhân dân xã Đường Thượng	37
70	Ủy ban nhân dân xã Quán Bạ	43
71	Ủy ban nhân dân xã Lùng Tám	40
72	Ủy ban nhân dân xã Cán Tỷ	41
73	Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thuận	41
74	Ủy ban nhân dân xã Tùng Vài	42
75	Ủy ban nhân dân xã Bắc Mê	36
76	Ủy ban nhân dân xã Yên Cường	31
77	Ủy ban nhân dân xã Đường Hồng	36
78	Ủy ban nhân dân xã Giáp Trung	28
79	Ủy ban nhân dân xã Minh Sơn	28
80	Ủy ban nhân dân xã Minh Ngọc	32
81	Ủy ban nhân dân xã Ngọc Đường	44
82	Ủy ban nhân dân phường Hà Giang 1	55
83	Ủy ban nhân dân phường Hà Giang 2	60
84	Ủy ban nhân dân xã Vị Xuyên	36
85	Ủy ban nhân dân xã Lao Chải	36
86	Ủy ban nhân dân xã Thanh Thủy	31
87	Ủy ban nhân dân xã Minh Tân	28
88	Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa	28
89	Ủy ban nhân dân xã Tùng Bá	28
90	Ủy ban nhân dân xã Phú Linh	36
91	Ủy ban nhân dân xã Linh Hồ	36
92	Ủy ban nhân dân xã Bạch Ngọc	31
93	Ủy ban nhân dân xã Việt Lâm	31
94	Ủy ban nhân dân xã Cao Bồ	28
95	Ủy ban nhân dân xã Thượng Sơn	28
96	Ủy ban nhân dân xã Bắc Quang	41
97	Ủy ban nhân dân xã Tân Quang	39
98	Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm	36
99	Ủy ban nhân dân xã Liên Hiệp	36
100	Ủy ban nhân dân xã Bằng Hành	37
101	Ủy ban nhân dân xã Hùng An	40
102	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy	36

TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Số lượng tạm giao năm 2025
103	Ủy ban nhân dân xã Đồng Yên	31
104	Ủy ban nhân dân xã Quang Bình	33
105	Ủy ban nhân dân xã Tiên Yên	36
106	Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang	31
107	Ủy ban nhân dân xã Bằng Lang	35
108	Ủy ban nhân dân xã Yên Thành	33
109	Ủy ban nhân dân xã Tân Trịnh	33
110	Ủy ban nhân dân xã Tiên Nguyên	28
111	Ủy ban nhân dân xã Hoàng Su Phì	51
112	Ủy ban nhân dân xã Thông Nguyên	31
113	Ủy ban nhân dân xã Hồ Thầu	36
114	Ủy ban nhân dân xã Nậm Dịch	36
115	Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến	36
116	Ủy ban nhân dân xã Thàng Tín	36
117	Ủy ban nhân dân xã Bản Máy	36
118	Ủy ban nhân dân xã Pờ Ly Ngải	36
119	Ủy ban nhân dân xã Xín Mần	51
120	Ủy ban nhân dân xã Pà Vầy Sủ	44
121	Ủy ban nhân dân xã Nậm Dẩn	36
122	Ủy ban nhân dân xã Trung Thịnh	36
123	Ủy ban nhân dân xã Quảng Nguyên	28
124	Ủy ban nhân dân xã Khuôn Lùng	31
III	Số lượng chưa tạm giao để phục vụ tinh giản theo lộ trình và sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, thực hiện điều chỉnh, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, địa phương theo yêu cầu nhiệm vụ	1.338